

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:/2021/HNGN-ST

Ngày 15/6/2021.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;

2/. Bà Dương Thị Tú P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị N T M Y, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Tường 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: ấp Vĩnh Phú B, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh N V T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp Tường 1, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Y có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N T M Y có lời khai: Chị và anh N V T làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011, còn ngày tháng nào thì không nhớ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long. Về con chung có 02 người con chung tên N T T, sinh ngày 23/10/2011 và N T A, sinh ngày 12/12/2018, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, hiện tại chị và anh T không còn sống chung với nhau. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh N V T, yêu

cầu nuôi 02 người con tên N T T, sinh ngày 23/10/2011 và N T A, sinh ngày 12/12/2018, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 người con theo quy định pháp luật; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh N V T vắng mặt.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư kY và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T M Y, cho chị Y được ly hôn với anh N V T.

+ Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu N T T, sinh ngày 23/10/2011 và cháu N T A, sinh ngày 12/12/2018 cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T được quyền T nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị Y, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Thọ, cháu Ân mỗi tháng 745.000 đồng/ cháu cho đến khi 02 cháu tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: chị Y phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng, anh T phải chịu án phí 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và Y kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị N T M Y kiện anh N V T về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đối với ông Trần Minh Tr là Trưởng ấp Tường 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long cung cấp thông tin, anh N V T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tường 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại đang có mặt tại địa phương. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Y có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt chị Y, anh T là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị N T M Y xác định chị với anh N V T làm đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Giấy đăng ký kết hôn được cấp bởi Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long thể hiện chị Y và anh T đăng ký kết hôn vào

ngày 17/10/2011. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Y và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị Y và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, theo lời khai ngày 15/4/2021 của chị Y thì chị và anh T không còn sống chung từ tháng 10 năm 2020 âm lịch đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N T M Y, cho chị Y được ly hôn với anh N V T.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị Y và Giấy khai sinh do chị Y cung cấp, chị và anh T có 02 người con tên N T T, sinh ngày 13/10/2011 và N T A, sinh ngày 12/12/2018; cháu Thọ và Ân đang sống với chị Y, chị Y có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, Cháu T có nguyện vọng sống với chị Y, cháu A hiện còn nhỏ; các cháu sống cùng chị Y từ tháng 10 năm 2020 âm lịch đến nay và nhằm không làm xáo trộn đời sống của các cháu; Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao các cháu N T T, sinh ngày 13/10/2011 và N T A, sinh ngày 12/12/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị Y, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T, A với mức 745.000 đồng/ 1 cháu/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 14/01/2021 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ T nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị Y thì chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị N T M Y, anh N V T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T M Y, cho chị N T M Y được ly hôn với anh N V T.

2/. Về con chung: tiếp tục giao các cháu N T T, sinh ngày 13/10/2011 và N T A, sinh ngày 12/12/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh N V T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T, A với mức 745.000 đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/ 1 cháu/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 14/01/2021 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ T nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị N T M Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009871 ngày 14 tháng 01 năm 2021 được chuyển thu án phí; Buộc anh N V T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nội nhân:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Phước Long
- Nông sở
- Ngõôi tham gia to tụng khác
- Lầu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn